

Số: 10/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 06 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2025/QĐ-MPH ngày 20 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Á, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh T;

Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Giám đốc.

2.2. Công ty TNHH M1 (cũ Công ty TNHH M2);

Địa chỉ: Lô A+A2 +A3+A4+A5+A9+A11, khu công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

2.3. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Phạm Thị Á trình bày: Tháng 7 năm 2008, chị ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2; địa chỉ: khu công nghiệp P, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, công việc chính là công nhân may công nghiệp. Tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật, chị chưa làm chứng minh thư nhân dân nên khi ký hợp đồng lao động với Công ty chị đã mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, mặc dù trên thực tế chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị và Công ty, người lao động tên là Phạm Thị H và sổ bảo hiểm xã hội của chị đóng thời gian này mang tên chị Phạm Thị H, số sổ Bảo hiểm 3409002294. Sau đó, đến tháng 6/2009 thì chị chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2. Đến nay, khi chị Phạm Thị H làm thủ tục thanh toán trên sổ Bảo hiểm xã hội của chị H, số sổ TZ08017487 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2008 đến tháng 02/2009 thì được Cơ quan bảo hiểm trả lời chị còn một sổ Bảo hiểm xã hội số 3409002294, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 cũng mang tên chị Phạm Thị H. Như vậy, thời gian đóng tại sổ bảo hiểm 3409002294 trùng với thời gian đóng tại sổ bảo hiểm xã hội TZ08017487, do đó bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho chị H được. Vì vậy, đến thời điểm hiện tại, chị giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị và Công ty TNHH M2 trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 bị vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày: Bà Phạm Thị H, sinh ngày 04/4/1985, mã số BHXH 3409002294 có thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 là 01 năm và thời gian đóng BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2009 là 06 tháng tại Công ty TNHH M2 (nay là Công ty TNHH M1). Việc bà Phạm Thị Á trình bày sử dụng hồ sơ của bà Phạm Thị H để giao kết hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội, nay bà Phạm Thị Á đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Thị Á (bằng tên của bà Phạm Thị H) với Công ty TNHH M2 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 vô hiệu, Bảo hiểm xã hội đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trình bày: Tháng 7/2008 chị Phạm Thị Á ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2; địa chỉ: Khu công nghiệp P, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, công việc chính là công nhân may công nghiệp. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật khi đó chị Á chưa làm chứng minh thư nhân dân nên chị đã cho chị Á mượn chứng minh thư nhân dân của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, mặc dù trên

thực tế chị Á là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị Á và Công ty, người lao động tên là Phạm Thị H (là tên chị) và sổ bảo hiểm xã hội của chị Á đóng thời gian này mang tên chị Phạm Thị H, số sổ bảo hiểm 3409002294. Đến tháng 6/2009 thì chị Á chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2. Đến nay, khi chị làm thủ tục thanh toán trên sổ bảo hiểm xã hội của chị, số sổ TZ08017487, thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2008 đến tháng 02/2009 thì được Cơ quan bảo hiểm xã hội trả lời chị còn một sổ bảo hiểm số C, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009. Như vậy, thời gian đóng tại sổ bảo hiểm 3409002294 trùng với thời gian đóng tại sổ bảo hiểm xã hội TZ08017487, do đó bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, đối với việc chị Phạm Thị Á yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị và Công ty TNHH M2 trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 bị vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, chị đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH M1 (cũ là Công ty TNHH M2): Về số tiền bảo hiểm Công ty TNHH M2 đã đóng cho chị Phạm Thị H trong khoảng thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Á, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Phạm Thị Á (bằng tên của chị Phạm Thị H) và Công ty TNHH M2 trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 vô hiệu, giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Phạm Thị Á phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký hợp đồng lao động

với Công ty TNHH M2, có địa chỉ trước khi chấm dứt hoạt động tại Khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2]. Áp dụng pháp luật: Do hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH M2 và chị Phạm Thị H (do chị Phạm Thị Ánh K) vào năm 2008 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét thấy việc chị Phạm Thị Ánh M giấy tờ của chị Phạm Thị H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Phạm Thị Á là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Á, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH M2 và chị Phạm Thị H (do chị Phạm Thị Ánh K) trong thời gian từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ.

[3.2]. Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị Á (hồ sơ mượn tên chị Phạm Thị H) với Công ty TNHH M2 nhưng trên thực tế chị Á có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị Á (mang tên chị Phạm Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội 3409002294). Do đó, cần giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến hợp đồng lao động đã ký giữa chị Phạm Thị H (do chị Phạm Thị Ánh K) với Công ty TNHH M2 điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Do vậy cần điều chỉnh tên Phạm Thị H trên sổ bảo hiểm xã hội số 3409002294 thành Phạm Thị Ánh . Chị Phạm Thị Á và chị Phạm Thị H có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Phạm Thị H thành Phạm Thị Ánh .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401, Điều 402, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh .

1. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M2 và chị Phạm Thị H (do chị Phạm Thị Ánh K) trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 là vô hiệu toàn bộ.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 3409002294, từ Phạm Thị H, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1985, số Chứng minh nhân dân 151424279 do Công an tỉnh T cấp ngày 12/10/1999 thành Phạm Thị Á, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1991, Căn cước công dân số 034191020338 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021. Chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị Á có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị H thành Phạm Thị Ánh .

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Á phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Á đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000892 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Phạm Thị Á, chị Phạm Thị H, Bảo hiểm xã hội tỉnh T, Công ty TNHH M1 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Thanh

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.